

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN
PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phùng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)
Bà Đỗ Thị Ngọc Thanh	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2011)
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ôn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2012

273
NHÀ
NGH
ỆM H
DIT
N.
SÀ N
105

Số: 874/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng của Công ty nên Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con theo phương pháp



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.498.658.042	216.653.026.670
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	156.740.040.221	68.288.441.171
1. Tiền	111		11.740.040.221	13.288.441.171
2. Các khoản tương đương tiền	112		145.000.000.000	55.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	85.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	85.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.610.154.104	47.900.269.728
1. Phải thu khách hàng	131		31.532.597.443	45.419.179.468
2. Trả trước cho người bán	132		-	1.027.957.360
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.077.556.661	1.453.132.900
IV. Hàng tồn kho	140	7	14.256.619.740	14.271.412.519
1. Hàng tồn kho	141		14.256.619.740	14.271.412.519
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		891.843.977	1.192.903.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		891.843.977	1.156.151.252
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	36.752.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241.028.581.188	251.200.817.351
I. Tài sản cố định	220		182.325.974.865	210.106.794.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	182.193.217.509	209.942.904.131
- Nguyên giá	222		267.180.013.476	267.018.005.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.986.795.967)	(57.075.100.889)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	132.757.356	93.890.323
- Nguyên giá	228		262.420.550	136.080.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129.663.194)	(42.189.677)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	70.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	34.425.000.000	34.425.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		34.425.000.000	34.425.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		24.277.606.323	6.669.022.897
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.407.606.323	5.799.022.897
2. Tài sản dài hạn khác	268		870.000.000	870.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		446.527.239.230	467.853.844.021

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.576.124.955	127.372.840.475
I. Nợ ngắn hạn	310		38.856.057.888	54.909.807.136
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	14.579.600.000	13.793.314.286
2. Phải trả người bán	312		15.822.534.770	30.171.118.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	5.681.909.000	5.020.700.859
4. Phải trả người lao động	315		2.504.989.100	4.411.695.370
5. Chi phí phải trả	316		75.343.200	126.750.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		191.681.818	405.326.914
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	980.901.423
II. Nợ dài hạn	330		65.720.067.067	72.463.033.339
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	65.608.200.000	72.347.285.714
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.867.067	115.747.625
B. NGUỒN VỐN	400		341.951.114.275	340.481.003.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	341.951.114.275	340.481.003.546
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567	8.809.491.423
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.586.961.285	4.404.745.712
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.190.230.423	27.266.766.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		446.527.239.230	467.853.844.021



Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	361.262.159.039	377.097.035.318
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		361.262.159.039	377.097.035.318
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	(308.742.901.198)	(320.376.862.438)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.519.257.841	56.720.172.880
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	19.415.101.543	11.373.663.874
6. Chi phí tài chính	22	19	(14.535.962.400)	(6.490.374.722)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(5.756.993.915)</i>	<i>(4.609.579.728)</i>
7. Chi phí bán hàng	24		-	(1.165.532.582)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(16.523.454.847)	(15.051.748.272)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.874.942.137	45.386.181.178
10. Thu nhập khác	31		5.643.425.616	4.196.197.048
11. Chi phí khác	32		(880.327.188)	(709.792.580)
12. Lợi nhuận khác	40	20	4.763.098.428	3.486.404.468
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.638.040.565	48.872.585.646
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(11.447.810.142)	(12.516.897.083)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>34.190.230.423</u>	<u>36.355.688.563</u>



Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	45.638.040.565	48.872.585.646
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.999.168.595	25.055.737.682
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.914.493.923	1.848.124.344
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.257.584.531)	(8.527.809.148)
Chi phí lãi vay	06	5.756.993.915	4.609.579.728
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	68.051.112.467	71.858.218.252
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	15.451.670.268	(28.630.692.908)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	14.792.779	(8.449.904.929)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(16.287.008.281)	21.284.234.465
Tăng chi phí trả trước	12	(17.344.276.151)	(3.150.424.725)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.756.993.915)	(4.609.579.728)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.188.485.958)	(16.320.025.644)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.609.678.883)	(4.587.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.331.132.326	27.394.324.783
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(218.349.006)	(134.080.953.166)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	-	(85.000.000.000)
3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	85.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(34.425.000.000)
5. Thu lãi tiền gửi	27	20.041.439.653	8.527.809.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	104.823.090.647	(244.978.144.018)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	115.949.000.000
2. Tiền vay dài hạn nhận được	33	-	84.370.540.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.868.914.286)	-
4. Cổ tức đã trả	36	(32.835.330.000)	(25.792.419.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.704.244.286)	174.527.120.731
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	88.449.978.687	(43.056.698.504)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	68.288.441.171	111.974.112.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.620.363	(628.972.790)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	156.740.040.221	68.288.441.171

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm Công ty đã thanh toán 32.835.330.000 đồng trong tổng số 33.000.000.000 đồng cổ tức. Theo đó, một phần cổ tức với số tiền là 164.670.000 đồng (năm 2010: không đồng) chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thế Dân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 149 người (31 tháng 12 năm 2010: 137 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước

1202
CHÍNH
CÔNG
CHÍNH
ELO
IỆT
TP. H
TR H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, khoản đầu tư vào công ty con và khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Máy móc thiết bị	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2732
NHÀ N
NG T
HỆM H
OIT
T N
HÀ N
MỘ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	233.481.211	31.680.104
Tiền gửi ngân hàng	11.506.559.010	13.256.761.067
Các khoản tương đương tiền	145.000.000.000	55.000.000.000
	<u>156.740.040.221</u>	<u>68.288.441.171</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống với lãi suất hàng năm được hưởng là 14% (2010: từ 11% đến 12%).

Theo hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 99/11/VAB-SG/CCHDTG ngày 21 tháng 11 năm 2011, Công ty đã thế chấp hai khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á với số tiền là 50 tỷ đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (Công ty con) từ ngày hợp đồng đến ngày Bên vay và Bên cầm cố hoàn thành đầy đủ tất cả các nghĩa vụ với Ngân hàng Việt Á.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền chi phúc lợi cho nhân viên	1.408.278.883	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	669.277.778	1.453.132.900
	<u>2.077.556.661</u>	<u>1.453.132.900</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	14.199.524.373	14.216.216.834
Công cụ dụng cụ	57.095.367	55.195.685
	<u>14.256.619.740</u>	<u>14.271.412.519</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	932.453.510	617.057.821	265.468.493.689	267.018.005.020
Tăng trong năm	37.000.000	84.508.456	40.500.000	162.008.456
Tại ngày 31/12/2011	<u>969.453.510</u>	<u>701.566.277</u>	<u>265.508.993.689</u>	<u>267.180.013.476</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	261.451.459	317.165.517	56.496.483.913	57.075.100.889
Khấu hao trong năm	301.200.072	165.236.472	27.445.258.534	27.911.695.078
Tại ngày 31/12/2011	<u>562.651.531</u>	<u>482.401.989</u>	<u>83.941.742.447</u>	<u>84.986.795.967</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>406.801.979</u>	<u>219.164.288</u>	<u>181.567.251.242</u>	<u>182.193.217.509</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>671.002.051</u>	<u>299.892.304</u>	<u>208.972.009.776</u>	<u>209.942.904.131</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thế chấp tàu Sài Gòn Gas với nguyên giá là 133.096.847.966 đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (31/12/2010: 133.096.847.966 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 326.906.404 đồng (năm 2010: không đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	136.080.000	-	136.080.000
Tăng trong năm	-	126.340.550	126.340.550
Tại ngày 31/12/2011	136.080.000	126.340.550	262.420.550
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	42.189.677	-	42.189.677
Khấu hao trong năm	45.360.000	42.113.517	87.473.517
Tại ngày 31/12/2011	87.549.677	42.113.517	129.663.194
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	48.530.323	84.227.033	132.757.356
Tại ngày 31/12/2010	93.890.323	-	93.890.323

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt với tỷ lệ sở hữu là 51%.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	719.750.234	-
Chi phí sửa chữa tàu	22.629.619.251	5.529.931.340
Chi phí khác	58.236.838	269.091.557
	23.407.606.323	5.799.022.897

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.869.192.193	3.609.868.009
Thuế thu nhập cá nhân	1.117.240.338	1.363.654.226
Thuế giá trị gia tăng	695.476.469	47.178.624
	5.681.909.000	5.020.700.859

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển hình thành từ vốn vay của Công ty (Tàu Sài Gòn Gas).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	14.579.600.000	13.252.400.000
Trong năm thứ hai	14.579.600.000	13.252.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.738.800.000	39.757.200.000
Sau năm năm	7.289.800.000	19.878.600.000
	80.187.800.000	86.140.600.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	14.579.600.000	13.793.314.286
Số phải trả sau 12 tháng	65.608.200.000	72.347.285.714

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	218.324.000.000	72,8
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	-	-	51.600.000.000	17,2
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	30.076.000.000	10,0
	300.000.000.000		300.000.000.000	

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	184.051.000.000	602.097.046	5.173.922.567	2.586.961.285	26.092.419.256	218.506.400.154
Vốn đã góp	115.949.000.000	-	-	-	-	115.949.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.355.688.563	36.355.688.563
Chênh lệch tỷ giá	-	(602.097.046)	-	-	-	(602.097.046)
Phân phối các quỹ	-	-	3.635.568.856	1.817.784.427	(5.453.353.283)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.935.568.856)	(3.935.568.856)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.792.419.269)	(25.792.419.269)
Số dư tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	-	8.809.491.423	4.404.745.712	27.266.766.411	340.481.003.546
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.190.230.423	34.190.230.423
Hoàn nhập quỹ	-	-	(3.635.568.856)	(1.817.784.427)	6.033.233.589	579.880.306
Quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	300.000.000.000	-	5.173.922.567	2.586.961.285	34.190.230.423	341.951.114.275

Theo Nghị quyết ngày 25 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 với số tiền là 33.000.000.000 đồng (2009: 25.792.419.269 đồng). Cũng theo nghị quyết này, Công ty không trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và chỉ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2010 với số tiền là 3.055.688.563 đồng. Vì vậy, trong năm 2011, Công ty đã hoàn nhập số tiền từ việc trích lập quỹ trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. DOANH THU**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Doanh thu bán hàng	12.730.152.468	2.887.818.576
Doanh thu cung cấp dịch vụ	348.532.006.571	374.209.216.742
	<u>361.262.159.039</u>	<u>377.097.035.318</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.698.065.202	2.887.818.576
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	296.044.835.996	317.489.043.862
	<u>308.742.901.198</u>	<u>320.376.862.438</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.937.611.300	49.457.424.905
Chi phí nhân công	31.082.357.717	36.441.145.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.999.168.595	25.044.397.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.995.325.890	207.520.492.621
Chi phí khác	21.251.892.543	18.130.682.971
	<u>325.266.356.045</u>	<u>336.594.143.292</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền gửi	19.257.584.531	8.527.809.148
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	157.517.012	2.845.854.726
	<u>19.415.101.543</u>	<u>11.373.663.874</u>

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí lãi vay	5.756.993.915	4.609.579.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.914.493.923	1.846.235.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	862.632.562	-
Chi phí khác	1.842.000	34.559.250
	<u>14.535.962.400</u>	<u>6.490.374.722</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Thu tiền phạt	366.553.000	1.258.408.194
Hàng tồn kho thừa do kiểm kê	4.702.276.832	2.883.310.980
Thu tiền bồi thường bảo hiểm	529.745.876	-
Thu khác	44.849.908	54.477.874
Thu nhập khác	<u>5.643.425.616</u>	<u>4.196.197.048</u>
Chi phí khác	<u>(880.327.188)</u>	<u>(709.792.580)</u>
Lợi nhuận khác	<u>4.763.098.428</u>	<u>3.486.404.468</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	45.638.040.565	48.872.585.646
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>153.200.000</u>	<u>1.195.002.685</u>
Thu nhập chịu thuế	45.791.240.565	50.067.588.331
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>11.447.810.142</u>	<u>12.516.897.083</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>3.871.511.786</u>	<u>1.492.389.355</u>
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.812.623.718	3.489.555.610
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>2.859.467.789</u>	<u>6.064.722.317</u>
	<u>6.672.091.507</u>	<u>9.554.277.927</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng tại lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 8 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.740.040.221	68.288.441.171
Phải thu khách hàng	31.532.597.443	45.419.179.468
Phải thu khác	2.077.556.661	1.453.132.900
Đầu tư vào công ty con	34.425.000.000	34.425.000.000
Khoản ký quỹ dài hạn	870.000.000	870.000.000
Tổng cộng	225.645.194.325	150.455.753.539
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	80.187.800.000	86.140.600.000
Phải trả người bán	15.822.534.770	30.171.118.284
Chi phí phải trả	75.343.200	126.750.000
Phải trả khác	191.681.818	405.326.914
Tổng cộng	96.277.359.788	116.843.795.198

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	81.321.044.366	86.203.548.900	80.121.568	3.484.197.760

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ khoản đầu tư vào công ty con. Khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và việc thanh toán của những khách hàng này rất tốt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	14.579.600.000	65.608.200.000	80.187.800.000
Phải trả nhà cung cấp	15.822.534.770	-	15.822.534.770
Chi phí phải trả	75.343.200	-	75.343.200
Phải trả khác	191.681.818	-	191.681.818
 31/12/2010	 Dưới 1 năm	 Từ 1- 5 năm	 Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	13.793.314.286	72.347.285.714	86.140.600.000
Phải trả nhà cung cấp	30.171.118.284	-	30.171.118.284
Chi phí phải trả	126.750.000	-	126.750.000
Phải trả khác	405.326.914	-	405.326.914

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2/3
 NHÁ
 NG
 EM
 OIT
 T N
 H A N
 HO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.740.040.221	-	156.740.040.221
Phải thu khách hàng	31.532.597.443	-	31.532.597.443
Phải thu khác	2.077.556.661	-	2.077.556.661
Khoản ký quỹ dài hạn	-	870.000.000	870.000.000
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.288.441.171	-	68.288.441.171
Phải thu khách hàng	45.419.179.468	-	45.419.179.468
Phải thu khác	1.453.132.900	-	1.453.132.900
Khoản ký quỹ dài hạn	-	870.000.000	870.000.000

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Cho thuê tàu		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	2.851.085.906	104.383.008.615
Cty TNHH MTV TMDV Dầu khí Miền Trung	19.893.057.441	45.845.324.203
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	23.883.653.393	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	121.988.986.029	123.662.832.233
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>190.410.921.537</u>	<u>135.571.168.988</u>
Thuê tàu và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>137.071.153.455</u>	<u>1.720.956.900</u>
Mua dịch vụ đại lý tàu		
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	476.121.772	1.015.122.818
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.273.286.680	443.526.058
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>1.742.008.472</u>	<u>1.391.044.700</u>
Thuê xe và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.077.000	4.655.463.636
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	<u>17.482.273</u>	<u>33.014.545</u>
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	<u>34.425.000.000</u>
Góp vốn trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	104.324.000.000
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	-	<u>11.600.000.000</u>
Công bố cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>22.352.990.000</u>	<u>9.809.614.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương	2.426.855.103	2.242.996.752
Tiền thưởng	223.400.000	1.044.831.164
	<u>2.650.255.103</u>	<u>3.287.827.916</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản phải thu		
Cty TNHH MTV TMDV Dầu khí Miền Trung	6.537.164.241	3.786.733.699
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	20.848.888.054	24.456.175.634
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>4.146.545.148</u>	<u>39.833.905.769</u>
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	6.356.722.093	8.162.526.930
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	49.907.050	24.621.620
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	116.956.403	146.765.535
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>148.177.054</u>	<u>171.129.680</u>



Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc
Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Nguyễn Thế Dân
Kế toán trưởng